

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 15 - 01- 2021

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Ngọc Tuyên

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Văn Minh

Bà Lý Ngọc Lan.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lâm Hữu Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 03 tháng 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh **Phan Thanh L**, sinh năm 1977; xin vắng mặt

Địa chỉ: 43/6, ấp 4, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Điện thoại: 0937 289 xxx

*Bị đơn:* Chị **Trương K**, sinh năm 1969; vắng mặt

Hộ chiếu số: 442073374 ngày 09/6/2008, nơi cấp Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ.

Địa chỉ: USA (Hoa Kỳ).

Điện thoại: 626 83xxxxx.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 02/03/2020, nguyên đơn – anh Phan Thanh L trình bày:*

Anh L và chị Trương K xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2016 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 28 tháng 4 năm 2016. Sau khi kết hôn anh L sống ở Việt Nam còn chị Trương K định cư ở Mỹ. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về nhiều mặt, thường xuyên cãi vã, đã cố gắng khắc phục nhưng không thể hòa hợp được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được và không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trương K.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*-Bị đơn – chị Trương K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh L và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mà không rõ lý do.*

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Nhận thấy mâu thuẫn giữa anh Phan Thanh L và chị Trương K đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phan Thanh L; về con chung, tài sản chung, nợ chung: anh L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét; anh L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Phan Thanh L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Trương K nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: anh Phan Thanh L có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn với chị Trương K. Chị Trương K có quốc tịch Hoa Kỳ hiện đang cư trú tại USA (Hoa Kỳ) nên cần phải ủy thác tư pháp cho cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở Hoa Kỳ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[3] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc ủy thác tư pháp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Trương K theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Tố tụng dân sự; nhưng chị Trương K không nộp bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mà không có lý do, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Trương K theo quy định tại khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Phan Thanh L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Thanh L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh Phan Thanh L và chị Truong K quen biết tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 28 tháng 4 năm 2016 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của Phan Thanh L, sau khi kết hôn, anh L sinh sống tại Việt Nam, chị Truong K sống tại Mỹ. Thời gian đầu, anh chị còn liên lạc với nhau nhưng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, kể từ năm 2019 thì không còn liên lạc nữa.

Nhận thấy, thời gian anh Phan Thanh L và chị Truong K chung sống như vợ chồng không dài, sau đó lại sống tách biệt khiến cho việc vun đắp tình cảm vợ chồng gặp nhiều khó khăn; từ năm 2019, anh chị không còn liên lạc với nhau càng khiến cho tình cảm vợ chồng suy giảm. Mục đích cơ bản của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và bền vững; nhưng Phan Thanh L và chị Truong K lại thường xuyên sống xa nhau, lại không liên lạc khiến cho việc xây dựng gia đình không đạt được, càng không tạo được sự bền vững trong quan hệ vợ chồng. Thêm vào đó, từ khi anh Phan Thanh L nộp đơn xin ly hôn đến nay, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng chị Truong K vẫn vắng mặt không lý do, không tham gia các phiên hòa giải, xét xử, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh L. Từ đó cho thấy chị Truong K không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh Phan Thanh L. Cả hai đã không còn tình cảm với nhau, việc kéo dài hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho Phan Thanh L và chị Truong K.

Từ những nhận định trên, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa Phan Thanh L và chị Truong K không còn khả năng hàn gắn, hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Phan Thanh L đối với chị Truong K.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: anh Phan Thanh L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: anh Phan Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Về chi phí tố tụng: anh Phan Thanh L phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng

được khấu trừ vào các khoản tạm ứng mà anh đã nộp nên xem như anh đã hoàn thành xong nghĩa vụ chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 477, khoản 1 và 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Thanh L.

Về quan hệ hôn nhân: anh Phan Thanh L được ly hôn với chị Trương K.

2. Về án phí: anh Phan Thanh L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh L đã nộp theo biên lai số 0001291 ngày 10/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, xem như chị đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: anh Phan Thanh L phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng được khấu trừ vào các khoản tạm ứng mà anh đã nộp nên xem như anh đã hoàn thành xong nghĩa vụ chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

4. Về quyền kháng cáo: anh Phan Thanh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Chị Trương K cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Ngọc Tuyền**

